

BỘ TƯ PHÁP
CỤC QUẢN LÝ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH
VÀ THEO DÕI THI HÀNH PHÁP LUẬT

Số: 251 /QLXLVPHC&TDTHPL-CSDL
V/v hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo trong quản lý
công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính
và theo dõi tình hình thi hành pháp luật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 5 năm 2019

[Signature]

SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐẾN

Số: 8207

Kính gửi: Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh

Ngày: 14-05-2019

Trả lời Công văn số 1744/STP-THPL ngày 02/4/2019 của Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật (Công văn số 1744/STP-THPL), sau khi nghiên cứu Công văn và các quy định pháp luật có liên quan, Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật (Cục QLXLVPHC&TDTHPL) có ý kiến như sau:

1. Về các quy định có liên quan đến nguyên tắc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, thời điểm lấy số liệu, thời gian gửi báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Thứ nhất, về nguyên tắc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (Luật BHVBQPPL) quy định: “*Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực...*”. Khoản 2 Điều 156 Luật BHVBQPPL quy định: “*Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn*”.

Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 156 Luật BHVBQPPL quy định: “*Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau*”.

Thứ hai, về thời gian lấy số liệu báo cáo, khoản 3 và 4 Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP quy định: “*Báo cáo định kỳ 6 tháng: Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo*” và “*Báo cáo định kỳ hàng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo*”.

Điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 16/2018/TT-BTP quy định: Thời gian

lấy số liệu đối với báo cáo định kỳ 06 tháng và báo cáo định kỳ hàng năm trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của Chính phủ về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

Điểm b khoản 2 Điều 3 Thông tư số 16/2018/TT-BTP quy định: Thời gian lấy số liệu đối với báo cáo định kỳ hàng năm trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo quy định của Chính phủ về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

Các quy định về thời gian lấy số liệu báo cáo nói trên của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và Thông tư số 16/2018/TT-BTP có sự khác biệt với quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 31 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) và quy định tại khoản 6 Điều 16, khoản 5 Điều 17 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Thứ ba, về thời hạn gửi báo cáo, khoản 1 Điều 13 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP quy định:

“1. Thời hạn các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh (sau đây gọi là bộ, cơ quan, địa phương) gửi báo cáo định kỳ cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chậm nhất vào ngày 25 của tháng cuối kỳ báo cáo, trừ trường hợp có quy định khác theo nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này”.

Điểm c khoản 1 Điều 3 Thông tư số 16/2018/TT-BTP quy định: Báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính phải được gửi về Bộ Tư pháp chậm nhất là 07 ngày, kể từ ngày chốt số liệu.

Điểm b khoản 2 Điều 3 Thông tư số 16/2018/TT-BTP quy định: Thời hạn gửi báo cáo định kỳ hàng năm trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật về Bộ Tư pháp thực hiện theo quy định của Chính phủ về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

Các quy định về thời hạn gửi báo cáo nói trên của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và Thông tư số 16/2018/TT-BTP có sự khác biệt với quy định tại khoản 2 Điều 27; các điểm a, b, c khoản 1 Điều 30 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 32 và khoản 33 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) và quy định tại khoản 6 Điều 16, khoản 5 Điều 17 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

Thứ tư, về hiệu lực thi hành của quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước, khoản 3 Điều 32 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP quy định:

“Các chế độ báo cáo do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bị bãi bỏ.

Trước ngày 01 tháng 6 năm 2019, bộ, cơ quan, địa phương ban hành văn bản để sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các chế độ báo cáo do cơ quan mình ban hành nhằm đáp ứng các quy định tại Nghị định này”.

2. Về thời điểm lấy số liệu

Do thời gian lấy số liệu báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và thời gian lấy số liệu báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật có sự khác biệt về các thời điểm giữa quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 31 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP và quy định tại khoản 6 Điều 16, khoản 5 Điều 17 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP với quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP như đã nêu tại điểm thứ hai Mục 1 của Công văn này.

Vì vậy, căn cứ vào quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 156 Luật BHVBQPPL, khoản 3 Điều 32 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 3 Thông tư số 16/2018/TT-BTP nêu trên, để bảo đảm việc thực hiện chế độ báo cáo giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thống nhất, thì thời điểm lấy số liệu của báo cáo định kỳ công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (định kỳ 06 tháng và hằng năm) và báo cáo định kỳ công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật (định kỳ hằng năm) của năm 2019 và những năm tiếp theo sẽ thực hiện theo quy định của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và Thông tư số 16/2018/TT-BTP cho đến khi có sự sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Về thời hạn gửi báo cáo

Tương tự như quy định về thời điểm lấy số liệu báo cáo, quy định về thời hạn gửi báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và thời hạn gửi báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật có sự khác biệt giữa quy định tại khoản 2 Điều 27; các điểm a, b, c khoản 1 Điều 30 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 32 và khoản 33 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) và quy định tại khoản 6 Điều 16, khoản 5 Điều 17 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP với quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP như đã nêu tại điểm thứ ba của Mục 1 của Công văn này.

Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 156 Luật BHVBQPPL đã nêu trên, thời hạn gửi báo cáo đối với báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và báo cáo công tác theo dõi thi hành pháp luật sẽ phải tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và điểm c khoản 1,

điểm b khoản 2 Điều 3 Thông tư số 16/2018/TT-BTP.

Cục QLXLVPHC&TDTHPL xin trao đổi thêm với Quý Sở, những năm trước đây, thời hạn gửi báo cáo về Bộ Tư pháp là 20 ngày, kể từ ngày chốt số liệu theo tinh thần quy định tại khoản 2 Điều 27 và khoản 1 Điều 30 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 32 và khoản 33 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP). Tuy nhiên, trên thực tế thời gian qua, vì nhiều lý do khác nhau, hầu hết các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các cấp tỉnh không thực hiện được đúng quy định nói trên về thời hạn gửi báo cáo về Bộ Tư pháp.

Do đó, để tăng cường kỷ luật, kỷ cương, chấp hành pháp luật, bảo đảm tinh thần thượng tôn pháp luật, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các cấp phải tổ chức thi hành pháp luật nói chung và các quy định của Chính phủ về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nói riêng.

Trên đây là ý kiến của Cục QLXLVPHC&TDTHPL về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật, xin gửi tới Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh.

Trân trọng. *Kết*

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- Thủ trưởng Đặng Hoàng Oanh (để báo cáo);
- Phó Cục trưởng Lê Thanh Bình (để biết);
- Lưu: VT Cục, Phòng CSDL (03b), Phòng QLXLVPHC (01b).

CỤC TRƯỞNG



Đặng Thanh Sơn